

Số: 34 /2020/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4114/TTr-STC ngày 24/6/2020, Báo cáo số 133/BC-STP ngày 17/6/2020 của Sở Tư pháp và công văn số 6473/STC-TCHCSN ngày 07/10/2020 của Sở Tài chính, công văn số 2677/STP-VBPQ ngày 06/10/2020 và Báo cáo số 309/BC-STP ngày 27/11/2020 của Sở Tư pháp về việc ban hành quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

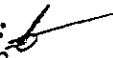
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội”.



81

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/12/2020 và thay thế Quyết định số 77/2014/QĐ-UBND ngày 10/10/2014 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- TTr Thành ủy – TTr HĐND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Công giao tiếp điện tử TP;
- VPUBND TP: Các PCVP, các phòng CM; Trung tâm tin học và Công báo;
- Lưu: VT, KT. 

41987 – 26

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Chu Ngọc Anh

QUY ĐỊNH

Về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 34 /2020/QĐ-UBND ngày 30 /11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (sau đây gọi tắt là Nghị định số 32/2019/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã (Ủy ban nhân dân cấp huyện), cơ quan quản lý chuyên ngành được ủy quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền của Thành phố thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước.

3. Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tổ chức, đơn vị (bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập không trực thuộc cơ quan được giao kinh phí để đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công), hợp tác xã có tư cách pháp nhân, các cá nhân hành nghề độc lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật có chức năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công phù hợp với yêu cầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của Nhà nước (sau đây gọi chung là nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc là nhà thầu trong trường hợp tham gia đấu thầu thực hiện

theo quy định của pháp luật về đấu thầu); các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc tổ chức thực hiện và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

4. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp được áp dụng các quy định tại Quy định này và quy định của pháp luật khác có liên quan về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được cấp có thẩm quyền giao.

5. Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện, doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan, đơn vị thực hiện dịch vụ sự nghiệp công, sản phẩm, dịch vụ công ích từ nguồn tài chính khác (không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước) được khuyến khích áp dụng các quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và Quy định này.

Điều 3. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công

1. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan xây dựng chi tiết các danh mục sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung.

3. Trường hợp Chính phủ điều chỉnh, bổ sung danh mục sản phẩm, dịch vụ công ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo các quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và Quy định này.

Điều 4. Ủy quyền, nội dung ủy quyền và trách nhiệm của cơ quan, người được ủy quyền

1. Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cơ quan quản lý chuyên ngành (các cơ quan quản lý theo ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố) quyết định:

a) Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; đặt hàng (hoặc giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định) đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc tổ chức đấu thầu theo quy định từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách cấp Thành phố.

b) Phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

3. Thời hạn ủy quyền: kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2025.

4. Cơ quan quản lý chuyên ngành, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư được ủy quyền: chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền theo Quy định này; định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện và các vấn đề đột xuất, phát sinh đề xin ý kiến chỉ đạo thực hiện.

5. Trước khi hết thời hạn ủy quyền, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan quản lý chuyên ngành tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc dừng ủy quyền hoặc tiếp tục ủy quyền đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ không bị gián đoạn.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu sản phẩm, dịch vụ công

1. Hàng năm, cơ quan, đơn vị được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu sản phẩm, dịch vụ công có trách nhiệm xây dựng phương án lựa chọn nhà cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trình cơ quan quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; đặt hàng (hoặc giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định) đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc tổ chức đấu thầu theo quy định từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách theo phân cấp quản lý.

3. Thời gian thực hiện nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu tùy thuộc tính chất công việc của từng dịch vụ sự nghiệp và sản phẩm, dịch vụ công ích theo từng lĩnh vực cụ thể và phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Điều 6. Phương pháp và thẩm quyền quyết định giá, đơn giá, mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công

1. Đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

a) Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện giao nhiệm vụ: Căn cứ số lượng, khối lượng nhiệm vụ; chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; cơ quan quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự toán chi tiết

kinh phí giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện.

b) Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện đặt hàng: theo điểm b, khoản 1 Điều 8 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích: theo khoản 2 Điều 8 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

3. Giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công: theo khoản 3, khoản 4 Điều 8 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và các quy định của pháp luật về giá.

Chương II **GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU** **CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ** **NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Mục 1 **GIAO NHIỆM VỤ CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG** **SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Điều 7. Giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

Các điều kiện, nội dung và điều chỉnh kinh phí giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Mục 1 Chương II Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Mục 2 **ĐẶT HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG** **SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Điều 8. Điều kiện đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1. Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan quản lý cấp trên đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, theo danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP thực hiện theo khoản 1 Điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác, theo danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác đã có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công được đặt hàng; có đủ năng lực về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, trình độ kỹ

thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và đội ngũ người lao động đáp ứng được các yêu cầu đặt hàng. Ngoài ra, đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác được đặt hàng trong lĩnh vực thuộc diện Nhà nước cấp phép hoạt động phải đáp ứng thêm điều kiện phải là nhà cung cấp dịch vụ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Danh mục dịch vụ sự nghiệp công có tính đặc thù do liên quan đến sở hữu trí tuệ hoặc chỉ có một nhà cung cấp đăng ký thực hiện hoặc dịch vụ sự nghiệp công thuộc Biểu 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP không được thực hiện giao nhiệm vụ và không quy định phương thức đấu thầu hoặc việc cung ứng dịch vụ sự nghiệp công liên quan đến quyền sở hữu tài sản của nhà cung cấp hoặc quyền quản lý và sử dụng tài sản công khi được cấp có thẩm quyền giao tài sản công hoặc cam kết của cấp có thẩm quyền với nhà đầu tư khi kêu gọi đầu tư dự án xã hội hóa, nhà đầu tư trúng thầu khi lựa chọn nhà đầu tư dự án trong lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công;

c) Danh mục dịch vụ sự nghiệp công có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc danh mục dịch vụ sự nghiệp công có định mức chi phí, đơn giá, giá được cơ quan có thẩm quyền ban hành cho phép áp dụng tạm thời làm cơ sở để đặt hàng.

3. Các nội dung khác theo khoản 4, khoản 5 Điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Điều 9. Đặt hàng và điều chỉnh kinh phí đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1. Việc đặt hàng và điều chỉnh kinh phí đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: theo Điều 13, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Hình thức đặt hàng:

a) Đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập: cơ quan quản lý chuyên ngành quyết định đặt hàng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

b) Đặt hàng cho nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác: cơ quan quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đặt hàng nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đặt hàng ký hợp đồng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước với đơn vị nhận đặt hàng theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Điều 10. Trình tự đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1. Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc:

Trên cơ sở dự toán thu, chi được giao, Quyết định của cấp có thẩm quyền về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, đơn giá, giá, phí dịch vụ sự nghiệp công được cơ quan có thẩm quyền quyết định, tình hình thực hiện năm trước và dự kiến năm hiện hành (nếu có), các căn cứ đặt hàng khác (nếu có), đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc xây dựng phương án đặt hàng kèm Tờ trình phê duyệt phương án đặt hàng gửi cơ quan quản lý chuyên ngành để được xem xét, quyết định.

2. Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác:

a) Đối với cấp Thành phố:

- Trên cơ sở dự toán thu, chi được giao, Quyết định của cấp có thẩm quyền về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, đơn giá, giá, phí dịch vụ sự nghiệp công được cơ quan có thẩm quyền quyết định, tình hình thực hiện năm trước và dự kiến năm hiện hành (nếu có), căn cứ đặt hàng khác (nếu có), cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đặt hàng đề xuất phương án đặt hàng nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác đảm bảo các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này trình cơ quan quản lý chuyên ngành.

- Cơ quan quản lý chuyên ngành sau khi xem xét phương án đặt hàng nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác do cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đặt hàng đề xuất, có văn bản đề nghị Sở Tài chính tham gia ý kiến về nội dung công việc, đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí thực hiện trong phương án đặt hàng trước khi quyết định.

- Trên cơ sở Quyết định đặt hàng của cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đặt hàng thương thảo, ký hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác.

b) Đối với cấp huyện:

- Trên cơ sở dự toán thu, chi được giao, Quyết định của cấp có thẩm quyền về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, đơn giá, giá, phí dịch vụ sự nghiệp công được cơ quan có thẩm quyền quyết định, tình hình thực hiện năm trước và dự kiến năm hiện hành (nếu có), căn cứ đặt hàng khác (nếu có), cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đặt hàng xây dựng phương án đặt hàng nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác đảm bảo các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị liên quan (nếu có) tham gia ý kiến bằng văn bản về nội dung công việc, đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí thực hiện trong phương án đặt hàng.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định phương án đặt hàng nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác do cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đặt hàng trình phê duyệt sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị liên quan (nếu có).

- Trên cơ sở Quyết định đặt hàng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đặt hàng thương thảo, ký hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác.

3. Căn cứ Quyết định đặt hàng của cấp có thẩm quyền, hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, bên nhận đặt hàng tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đảm bảo đúng các nội dung quy định tại Quyết định đặt hàng và hợp đồng đặt hàng.

Điều 11. Xử lý điều chỉnh kinh phí đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1. Các trường hợp điều chỉnh: theo Điều 15 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Trường hợp điều chỉnh trong phạm vi dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao:

a) Đối với cấp Thành phố:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc: cơ quan quản lý chuyên ngành xem xét, quyết định phương án đặt hàng điều chỉnh trên cơ sở đề xuất của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

- Đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác: cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đặt hàng tổng hợp phương án đặt hàng điều chỉnh gửi cơ quan quản lý chuyên ngành xem xét và quyết định phương án đặt hàng điều chỉnh sau khi đã thống nhất với Sở Tài chính về nội dung công việc điều chỉnh, kinh phí điều chỉnh.

b) Đối với cấp huyện: cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đặt hàng xây dựng phương án đặt hàng điều chỉnh thống nhất với Phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị liên quan (nếu có) về nội dung công việc điều chỉnh, kinh phí điều chỉnh trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phương án đặt hàng điều chỉnh.

3. Trường hợp điều chỉnh làm tăng dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao:

a) Đối với cấp Thành phố:

- Cơ quan quản lý chuyên ngành tổng hợp phương án đặt hàng điều chỉnh, thống nhất với Sở Tài chính về nội dung công việc điều chỉnh, kinh phí điều chỉnh đề trình Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương điều chỉnh tăng dự toán nguồn kinh phí thực hiện.

- Căn cứ ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố, cơ quan quản lý chuyên ngành giao đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc

hoặc cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đặt hàng thực hiện điều chỉnh phương án đặt hàng theo trình tự quy định tại Điều 10 Quy định này.

b) Đối với cấp huyện: theo điểm b, khoản 2 Điều này.

4. Căn cứ Quyết định đặt hàng điều chỉnh của cấp có thẩm quyền, hợp đồng đặt hàng và phụ lục điều chỉnh hợp đồng, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp khác tổ chức thực hiện theo quy định.

Mục 3

ĐẤU THẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 12. Quy định về đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

Các quy định về đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước: theo Điều 16 Mục 3 Chương II Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, Điều 13, Điều 14 Quy định này và pháp luật về đấu thầu.

Điều 13. Dự toán hình thành giá gói thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1. Đối với cấp Thành phố: cơ quan quản lý chuyên ngành thực hiện lập và phê duyệt dự toán hình thành giá gói thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước sau khi có tham gia ý kiến bằng văn bản của Sở Tài chính về các nội dung công việc, giá, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí thực hiện.

2. Đối với cấp huyện: cơ quan, đơn vị được giao kinh phí thực hiện phê duyệt dự toán hình thành giá gói thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Phòng Tài chính – Kế hoạch và các đơn vị liên quan (nếu có) về các nội dung công việc, giá, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí thực hiện.

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên của ngân sách Thành phố.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên của ngân sách cấp huyện.

Chương III

ĐẶT HÀNG, ĐẤU THẦU SẢN XUẤT, CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Mục 1
ĐẶT HÀNG SẢN XUẤT,
CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Điều 15. Điều kiện đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Đặt hàng nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo danh mục quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đã có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực được đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; có đủ năng lực về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và đội ngũ người lao động đáp ứng được các yêu cầu của việc sản xuất, cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích theo hợp đồng đặt hàng. Ngoài ra đối với nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích được đặt hàng trong lĩnh vực thuộc diện Nhà nước cấp phép hoạt động phải đáp ứng thêm điều kiện phải là nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích có tính đặc thù do liên quan đến sở hữu trí tuệ hoặc chỉ có một nhà cung cấp đăng ký thực hiện hoặc việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản của nhà cung ứng hoặc quyền quản lý và sử dụng tài sản công đã được cơ quan có thẩm quyền giao tài sản công hoặc cam kết của cấp có thẩm quyền với nhà đầu tư khi kêu gọi đầu tư dự án xã hội hóa, nhà đầu tư trúng thầu khi lựa chọn nhà đầu tư dự án trong lĩnh vực sản phẩm, dịch vụ công ích;

c) Sản phẩm, dịch vụ công ích có giá tiêu thụ, giá sản phẩm, dịch vụ, mức trợ giá được cấp có thẩm quyền quyết định theo pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan hoặc sản phẩm, dịch vụ công ích có định mức chi phí, đơn giá, giá được cơ quan có thẩm quyền cho phép áp dụng tạm thời làm cơ sở để đặt hàng.

2. Các nội dung khác theo quy định tại khoản 2, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 17 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Điều 16. Căn cứ đặt hàng, nội dung hợp đồng đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Căn cứ đặt hàng, nội dung hợp đồng đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo quy định tại các Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Hình thức đặt hàng: cơ quan quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đặt hàng nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đặt hàng ký hợp đồng sản xuất, cung ứng

sản phẩm, dịch vụ công ích với đơn vị nhận đặt hàng theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Điều 17. Trình tự đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

Trình tự đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích: theo khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Quy định này.

Điều 18. Điều chỉnh kinh phí đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Các trường hợp được điều chỉnh phương án đặt hàng:
 - a) Theo khoản 2 Điều 20 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.
 - b) Thay đổi số lượng, khối lượng liên quan đến đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do nguyên nhân khách quan.
2. Trình tự thực hiện điều chỉnh kinh phí đặt hàng: theo khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 11 Quy định này.

Mục 2

**ĐẤU THẦU SẢN XUẤT, CUNG ỨNG SẢN PHẨM,
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH**

Điều 19. Quy định về đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

Quy định về đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích: Theo Điều 21 Mục 2 Chương III Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, Điều 20, Điều 21 Quy định này và pháp luật về đấu thầu.

Điều 20. Dự toán hình thành giá gói thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Đối với cấp Thành phố: cơ quan quản lý chuyên ngành thực hiện lập và phê duyệt dự toán hình thành giá gói thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích sau khi có tham gia ý kiến bằng văn bản của Sở Tài chính về các nội dung công việc, khối lượng, giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích và nguồn kinh phí thực hiện.
2. Đối với cấp huyện: cơ quan, đơn vị được giao kinh phí thực hiện phê duyệt dự toán hình thành giá gói thầu sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Phòng Tài chính – Kế hoạch và các đơn vị liên quan (nếu có) về các nội dung công việc, giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích và nguồn kinh phí thực hiện.

Điều 21. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phân cấp quản lý.

Chương IV

QUYẾT TOÁN KINH PHÍ GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG, ĐẤU THẦU CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 22. Quyết toán kinh phí

Quyết toán kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và quy định tại Điều 23, Điều 24 Quy định này.

Điều 23. Quyết toán kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc: theo khoản 1 Điều 25 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác: theo Điều 24 Quy định này.

Điều 24. Quyết toán kinh phí đặt hàng, đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Quy trình quyết toán:

- Đối với cấp Thành phố: cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đặt hàng, đấu thầu thực hiện quyết toán với bên trúng thầu, bên nhận đặt hàng; cơ quan quản lý chuyên ngành xét duyệt quyết toán của cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đặt hàng, đấu thầu và gửi văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận quyết toán kèm thông báo xét duyệt quyết toán, hồ sơ quyết toán về Sở Tài chính để kiểm tra, xác nhận quyết toán.

- Đối với cấp huyện: cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đặt hàng, đấu thầu thực hiện quyết toán với bên trúng thầu, bên nhận đặt hàng và gửi văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận quyết toán về Phòng Tài chính – Kế hoạch để kiểm tra, xác nhận quyết toán.

- Hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận quyết toán gửi cơ quan Tài chính chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng theo năm hoặc kết thúc năm ngân sách (đối với gói thầu có thời gian thực hiện trên một năm).

- Thời gian cơ quan Tài chính kiểm tra, xác nhận quyết toán tối đa 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ quyết toán theo quy định.

2. Hồ sơ kiểm tra, xác nhận quyết toán:

- Văn bản đề nghị cơ quan Tài chính cùng cấp kiểm tra, xác nhận quyết toán.

th

- Thông báo xét duyệt quyết toán của cơ quan quản lý chuyên ngành; báo cáo quyết toán của cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đặt hàng, đấu thầu;

- Hồ sơ quyết toán gồm bản chính các tài liệu: quyết định lựa chọn nhà thầu; hợp đồng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và các phụ lục hợp đồng (nếu có); các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (quyết toán A-B); biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có).

- Các văn bản pháp lý có liên quan (bản chính hoặc bản do cơ quan quản lý chuyên ngành; cơ quan, đơn vị được giao kinh phí sao y bản chính) và tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của cơ quan Tài chính phục vụ việc kiểm tra, xác nhận số liệu quyết toán.

3. Cơ quan Tài chính kiểm tra, xác nhận quyết toán theo các nội dung:

a) Hồ sơ pháp lý;

b) Giá trị quyết toán:

- Đối chiếu các nội dung, khối lượng trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán (đối với cấp huyện), Thông báo xét duyệt quyết toán của cơ quan quản lý chuyên ngành (đối với cấp Thành phố) với biên bản nghiệm thu khối lượng để xác định khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định;

- Đối chiếu sự phù hợp giữa đơn giá trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán (đối với cấp huyện), Thông báo xét duyệt quyết toán của cơ quan quản lý chuyên ngành (đối với cấp Thành phố) với đơn giá đặt hàng hoặc giá trúng thầu;

- Giá trị quyết toán bằng khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá đã kiểm tra.

c) Nhận xét, đánh giá, kiến nghị: việc chấp hành các quy định của Nhà nước về cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước; công tác quản lý chi phí thực hiện. Kiến nghị về giá trị quyết toán và xử lý các vấn đề có liên quan (nếu có).

4. Đối với các gói thầu có thời gian thực hiện trên một năm: thực hiện quyết toán theo niên độ ngân sách và năm cuối cùng thực hiện quyết toán năm và tổng hợp kinh phí gói thầu theo thời gian thực hiện.

5. Kết quả kiểm tra, xác nhận quyết toán của cơ quan Tài chính được tổng hợp trong báo cáo quyết toán ngân sách năm của cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đặt hàng, đấu thầu theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Chương V

QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VỀ GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Điều 25. Quản lý ngân sách về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công

Các quy định quản lý ngân sách về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công thực hiện theo quy định tại các Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Chương IV Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

**Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 26. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo quy định tại Điều 3 Quy định này cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ;

b) Trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ công làm cơ sở ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công; tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

c) Xây dựng đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công; mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích gửi Sở Tài chính thẩm định làm cơ sở trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công; mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan;

d) Quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo phân cấp; kiểm tra, giám sát việc thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công đảm bảo kịp thời, đúng trình tự và các nội dung quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và Quy định này;

e) Phê duyệt dự toán chi tiết đối với phương thức giao nhiệm vụ; phê duyệt phương án đặt hàng, đặt hàng điều chỉnh đối với phương thức đặt hàng và phê duyệt dự toán hình thành giá gói thầu đối với phương thức đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

f) Hướng dẫn các quận, huyện, thị xã áp dụng quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá cho phù hợp với từng lĩnh vực, từng địa bàn và điều kiện cụ thể của từng địa phương, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; hướng dẫn các điều

kiện về năng lực tài chính, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và tay nghề của người lao động phù hợp với từng lĩnh vực làm cơ sở lựa chọn nhà cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; hướng dẫn quy trình giám sát, nghiệm thu từng lĩnh vực sản phẩm, dịch vụ công để áp dụng trên toàn địa bàn Thành phố.

2. Trách nhiệm của cơ quan Tài chính

a) Sở Tài chính thẩm định đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công; mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan trên cơ sở đề nghị của cơ quan quản lý chuyên ngành;

b) Phòng Tài chính – Kế hoạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước nguồn kinh phí chi thường xuyên theo phân cấp;

c) Kiểm tra, xác nhận quyết toán kinh phí đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo năm đối với các nhà cung ứng dịch vụ sự nghiệp công khác và nhà sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích;

d) Tham gia ý kiến đối với phương án đặt hàng, phương án đặt hàng điều chỉnh nhà cung ứng dịch vụ sự nghiệp công khác, nhà sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; dự toán hình thành giá gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước;

e) Phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định sửa đổi, bổ sung danh mục sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của Thành phố;

f) Phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành kiểm tra việc thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo phân cấp.

3. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các lĩnh vực sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên thuộc phạm vi cấp Thành phố quản lý;

b) Chủ trì hướng dẫn các đơn vị được Ủy ban nhân dân các cấp giao nhiệm vụ tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu;

c) Phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định sửa đổi, bổ sung danh mục sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của Thành phố.

4. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước Hà Nội

Trên cơ sở quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu; dự toán của cấp có thẩm quyền giao; quyết định, hợp đồng đặt hàng, đấu thầu; biên bản

nghiệm thu sản phẩm; biên bản nghiệm thu đặt hàng; biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; các tài liệu khác có liên quan theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và Quy định này, quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật khác có liên quan, để thực hiện kiểm soát chi và tạm ứng, thanh toán kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện; hợp đồng đặt hàng, đấu thầu (hoặc giao nhiệm vụ) đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo, tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do địa phương mình quản lý theo phân cấp;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trực thuộc thực hiện các quy định của nhà nước và Thành phố về quản lý, giám sát, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

Điều 27. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công

1. Thực hiện lựa chọn nhà cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại Quyết định này đảm bảo kịp thời cung cấp sản phẩm, dịch vụ công;

2. Chịu trách nhiệm tổng hợp dự toán, tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn có liên quan và các quy định tại Quy định này;

3. Tổ chức thực hiện các quy định của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quản lý, giám sát, nghiệm thu sản phẩm, khối lượng, chất lượng thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 28. Trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập; nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP;

2. Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo đúng quy định hiện hành của pháp luật đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 29. Chế độ báo cáo

PHỐ
HÀ
NH

Alt

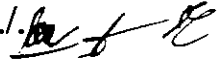
Định kỳ trước ngày 15 tháng 02 hàng năm, cơ quan quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi báo cáo tổng hợp về tình hình triển khai thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo phân cấp về Sở Tài chính để tổng hợp, phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Điều 30. Xử lý chuyển tiếp

- Đối với các gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đã được giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đã tổ chức đấu thầu và ký hợp đồng với đơn vị trúng thầu thì được tiếp tục thực hiện đến khi kết thúc nhiệm vụ được giao, kết thúc hợp đồng đặt hàng hoặc hết thời gian đã được quy định trong hợp đồng đối với phương thức đấu thầu.

- Đối với các gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đang trong quá trình thực hiện lựa chọn đơn vị thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì các bước tiếp theo được thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH 



Chu Ngọc Anh